

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: Sunlight Liquid Dishwashing

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất: Nước rửa chén Sunlight
- Công thức: hỗn hợp surfactants, nước, chất tạo mùi, chất bảo quản
- CAS: hỗn hợp (các thành phần chủ yếu như Sodium Lauryl Sulfate 151-21-3, Sodium Linear Alkylbenzene Sulfonate 25155-30-0)
- Tên khác: Sunlight Dishwashing Liquid, nước rửa chén tay
- Sử dụng: Rửa chén, rửa dụng cụ gia dụng
- Nhà cung cấp tại Việt Nam:
 - CÔNG TY TNHH UNILEVER VIỆT NAM
 - Địa chỉ: Lô D4, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
 - SĐT khẩn cấp: 1800 588 885

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

Phân loại theo GHS:

- GHS07 – Exclamation mark: Kích ứng da, mắt, đường hô hấp nhẹ
- Không thuộc loại nguy hiểm cháy nổ nếu pha loãng đúng hướng dẫn

Từ cảnh báo: CẢNH BÁO

Biểu tượng nguy hại:  GHS07

Câu cảnh báo nguy hiểm:

- H315: Gây kích ứng da
- H319: Gây kích ứng mắt
- H335: Có thể gây kích ứng đường hô hấp

Câu phòng ngừa:

- P264: Rửa tay kỹ sau khi sử dụng
- P280: Mang găng tay nếu tiếp xúc lâu
- P305+P351+P338: Nếu dính mắt: rửa kỹ bằng nước ít nhất 15 phút
- P302+P352: Nếu dính da: rửa với xà phòng và nước
- P501: Xử lý chất thải theo quy định địa phương

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Nồng độ
Sodium Lauryl Sulfate (SLS)	151-21-3	5–15%
Sodium Linear Alkylbenzene Sulfonate (LAS)	25155-30-0	1–5%
Chất tạo mùi, chất bảo quản	hỗn hợp	<1%
Nước	7732-18-5	Còn lại

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa ra nơi thoáng khí, hít hơi nước pha loãng bình thường không nguy hiểm
- Tiếp xúc da:** Rửa với nước và xà phòng
- Tiếp xúc mắt:** Rửa ngay với nhiều nước ít nhất 15 phút, nếu vẫn kích ứng → bác sĩ
- Nuốt phải:** Uống nhiều nước, không gây nôn, tìm tư vấn y tế nếu cần

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Phương tiện chữa cháy: CO₂, bột, bột khô, nước phun sương (không cháy nổ trong điều kiện gia dụng)
- Nguy cơ cháy: Pha loãng đúng theo hướng dẫn, không gây cháy
- Trang bị bảo hộ: Nếu chữa cháy số lượng lớn, đeo găng tay, kính, mặt nạ

MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân: Mang găng tay, kính bảo hộ nếu tiếp xúc nhiều
- Biện pháp môi trường: Tránh xả trực tiếp vào nguồn nước, sông hồ
- Thu gom: Dùng vật liệu hấp thụ không cháy, thu vào thùng kín

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng: Dùng rửa chén theo hướng dẫn, tránh để dính mắt
- Bảo quản: Nơi khô, mát, tránh ánh sáng trực tiếp và tầm với trẻ em
- Không tương thích: Tránh trộn với các chất tẩy mạnh khác (clo, axit mạnh)

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- Trang bị bảo hộ:
 - Mắt: Kính bảo hộ nếu tiếp xúc nhiều
 - Da: Găng tay khi rửa lâu
 - Hô hấp: Không bắt buộc, trừ khi xử lý số lượng lớn

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Lỏng, màu vàng nhạt
Mùi	Chanh / hương liệu
pH	7-9
Tỷ trọng	1,0 g/cm ³ (20°C)
Tan trong nước	Hoàn toàn
Ổn định	Ổn định điều kiện bình thường

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Ổn định: Ổn định ở nhiệt độ phòng
- Phản ứng nguy hiểm: Tránh trộn với axit hoặc clo
- Sản phẩm phân hủy: Không đáng kể trong điều kiện sử dụng bình thường

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- Tiếp xúc gia dụng: Thường chỉ gây kích ứng da, mắt, hô hấp nhẹ
- Không gây độc hệ thống nghiêm trọng khi sử dụng bình thường

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Độc tính sinh học: Có thể gây hại cho thủy sinh ở nồng độ cao
- Phân hủy sinh học: Dễ phân hủy
- Tích lũy sinh học: Không đáng kể

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom trong thùng kín
- Xả chất thải theo quy định địa phương

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- Tên vận chuyển: Sunlight Dishwashing Liquid
- UN Number: Không phân loại nguy hiểm vận chuyển hàng gia dụng
- Nhóm nguy hiểm: Không áp dụng (gia dụng)
- Nhãn nguy hiểm: GHS07 (Exclamation mark) nếu vận chuyển số lượng lớn

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- Tuân thủ: TCVN 9487:2012, Nghị định 113/2017/NĐ-CP về quản lý hóa chất nguy hại

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày phát hành SDS: 26/11/2025
- Tài liệu tham khảo: MSDS Sunlight Liquid Dishwashing (Unilever), GHS Purple Book
- Ghi chú:
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế